

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2021/DS-PT

Ngày: 20/4/2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/3; 12/4 và 20/4/2012, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn C, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp S, xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Đoàn Thị Cẩm D, sinh năm 1955.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị Cẩm D là ông Nguyễn X K, sinh năm 1954; Địa chỉ: A Đường Cái Sơn, khóm 2, phường 1, thành phố Sa Đéc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2003;

Đại diện hợp pháp của T là ông Nguyễn Văn C và bà P (là cha mẹ chị T)

2. Nguyễn Thị P, sinh năm 1966;

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thị P là Nguyễn Trường An, sinh

năm 1965; Địa chỉ: Ấp Tham Bua, xã Tân THnh A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Trường An, sinh năm 1990;
4. Đinh Văn C, sinh năm 1957;
5. Đinh Thị Thu X, sinh năm 1985;
6. Đinh Thị Thu H, sinh năm 1989;
7. Đinh Thị Ngọc H, sinh năm 1991.

Đại diện theo ủy quyền của bà D, ông C, Thu X, Ngọc H, Thu H là ông Nguyễn X K, sinh năm 1954; Địa chỉ: A Đường Cái Sơn, khóm 2, phường 1, tHnh phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

8. Đoàn Thị Cẩm C, sinh năm 1953;
9. Phạm Thanh T, sinh năm 1952;
10. Phạm Phước L, sinh năm 1992;
11. Đinh Thị Trúc L2, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: ấp Tham Bua, xã Tân THnh A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông T, L, L2 là bà Đoàn Thị Cẩm C, sinh năm 1953; Địa chỉ ấp Tham Bua, xã Tân THnh A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp

- Người kháng cáo: Bà Đoàn Thị Cẩm D và bà Đoàn Thị Cẩm C là bị đơn và người có quyền L và nghĩa vụ liên quan của vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

### **NỘI D VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 13-9-2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12-4-2017 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Đoàn Văn Giang (ông ngoại ông C) khai phá sau đó cho lại ông Đoàn Văn Trạch (cậu ruột ông C), do cha mẹ mất sớm nên ông C sinh sống cùng gia đình ông Trạch, đến năm 1985-1986 ông Trạch cho ông C phần đất đang tranh chấp, năm 2007 ông C làm thủ tục xin được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông có đi đăng ký đến ngày 07-01-2008, UBND huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn C. Qua nhiều lần xem xét thẩm định tại chỗ thì ông được biết phần đất ông đang tranh chấp có tổng diện tích 434,2m<sup>2</sup> (trong đó có 247,6m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 1315 do hộ ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn 186,6m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 826 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Tham Bua, xã Tân THnh A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp; lý do phần chưa được cấp giấy là ông C đăng ký thiếu sót. Vì vậy, ông C yêu cầu gia đình bà Đoàn Thị Cẩm D di dời toàn bộ cây trồng

trên đất để trả cho gia đình ông toàn bộ diện tích đất trên và thống nhất lấy diện tích đo đạc thực tế theo biên bản thẩm định vào ngày 19-3-2018 và sơ đồ đo đạc ngày 07-5-2018 để xét xử vụ án.

*- Lời trình bày của ông Nguyễn X K là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đoàn Thị Cẩm D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Quang C, Đinh Thị Thu X, Đinh Thị Thu H, Đinh Thị Ngọc H:*

Nguồn gốc đất này là của ông Đoàn Văn Thịnh (cha bà D) là con ông Đoàn Văn Giang khai phá vào năm 1978 – 1979 dùng để trồng cây điền điển, trong phần đất này có cái ao (do hồ bom để lại). Năm 1997 ông Thịnh mất nên để lại phần đất này cho bà D tiếp tục sử dụng trồng cây điền điển, và đến năm 1998 thì gia đình bà D trồng cây bạch đàn cho tới nay, bà D cho rằng tại thời điểm đó tại sao ông C cho là đất của ông mà khi bà trồng bạch đàn ông không có tranh chấp. Vào năm 1983, chị Đoàn Thị Cẩm C (chị ruột bà D) có mua phần diện tích đất của ông Đoàn Quốc Liên (cập ranh phần đất tranh chấp) khi đó có lập sơ đồ nền NH thể hiện phần đất tranh chấp là hồ bom bác Thịnh (cha bà D). Như vậy, phần đất tranh chấp là của ông Đoàn Văn Thịnh, sau đó bà D để cho chị là bà Đoàn Thị Cẩm C đi đăng ký QSDĐ luôn phần đất ao tranh chấp hiện nay nhưng không biết tại sao lại đăng ký thiếu và cứ nghĩ rằng đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Cẩm C rồi, việc ông C tự ý đi đăng ký phần đất của bà D và được cấp một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà D không hề hay biết, nay ông C yêu cầu gia đình bà di dời cây trồng trả lại đất cho ông, thì bà mới phát hiện vụ việc. Qua nhiều lần thẩm định ba D thống nhất lấy diện tích tranh chấp tại sơ đồ đo đạc ngày 07-5-2018 và biên bản thẩm định vào ngày 19 -3-2018 để tiến hành xét xử vụ án. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Văn C.

*- Lời trình bày của bà Đoàn Thị Cẩm C đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thanh T, Phạm Phước L, Phạm Thị Trúc L2:*

Bà thống nhất theo toàn bộ lời trình bày của ông K về vấn đề nguồn gốc đất, phần đất này là của cha bà Đoàn Văn Thịnh khai phá để lại cho chị em bà sử dụng cho đến hôm nay. Năm 1983 bà C có mua phần diện tích đất của ông Đoàn Quốc Liên (cập ranh phần đất tranh chấp) khi đó có lập sơ đồ nền NH thể hiện phần đất tranh chấp là hồ bom bác Thịnh (cha bà D) nên bà khẳng định phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Đoàn Văn Thịnh khai phá, sau đó chị bà là bà D để cho bà C đi đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất luôn phần đất ao tranh chấp hiện nay, nhưng không biết tại sao bà lại đăng ký thiếu, nên nay bà C thống nhất đất này là của bà D, bà đang sử dụng trồng rau muống. Đối với phần đất bà có trang ủ qua ao bà D nếu Tòa án giải quyết công nhận cho bà D thì bà thống nhất cho bà D để bà D sử dụng luôn bà không tranh chấp, nhưng nếu Tòa án giải quyết công nhận cho ông C thì trong vụ án này bà không yêu cầu, bà sẽ yêu cầu trong một vụ án dân sự khác.

*- Lời trình bày của ông Nguyễn Trường An đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P:*

Thông nhất theo toàn bộ lời trình bày của ông Nguyễn Văn C, ông không bổ sung gì thêm.

\* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 30/9/2020, Toà án nhân dân huyện Tân Hồng đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C:

Buộc bà Đoàn Thị Cẩm D, bà Đoàn Thị Cẩm C, ông Đinh Văn C, chị Đinh Thị Thu X, chị Đinh Thị Thu H và chị Đinh Thị Ngọc H phải có trách nhiệm di dời bằng mọi hình thức toàn bộ số cây trồng và các tài sản, vật kiến trúc xây dựng trên đất (nếu có) để giao trả lại diện tích đất 434,2m<sup>2</sup> (trong đó có 247,6m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 1315 và 186,6m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 826 ) tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp Tham Bua, xã Tân THnh A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp cho hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị P quản lý, sử dụng.

Phần đất có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đất bà Đoàn Thị C dài 37,7 mét.

Hướng Tây giáp đất bà Đoàn Thị Tú Em dài 36,7mét.

Hướng Nam giáp đất bà Đoàn Thị Cẩm D và ông Nguyễn Văn C dài 15,01 mét.

Hướng Bắc giáp đất bà Đoàn Thị Tú Em dài 8,45 mét.

Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19-3-2018 và sơ đồ đo đạc ngày 07-5-2018).

( Hộ ông Nguyễn Văn C được quyền đến cơ quan NH nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 186,6m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 826 theo quy định pháp luật).

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Đoàn Thị Cẩm D, Đinh Quang C, Đinh Thị Thu X, Đinh Thị Thu H và Đinh Thị Ngọc H hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn C 1.739.000đồng( Một triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (Do ông C đã nộp tạm ứng theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17-02-2017).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị Cẩm D, Đinh Quang C, Đinh Thị Thu X, Đinh Thị Thu H và Đinh Thị Ngọc H phải liên đới chịu 868.000đồng ( Tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BN/2013 03499 ngày 20- 9-2017 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp thì còn phải nộp 568.000đồng ( Năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn C 715.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo hai biên lai thu số BN/2013 11124 ngày 18 tháng 10 năm 2016 và biên lai thu số BN/2013 03395 ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Tân Hồng.

Bà Đoàn Thị Cẩm C, Phạm Thanh T, Phạm Phước L, Đinh Thị Trúc L2, Nguyễn Thị P, Nguyễn Trường An, Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/10/2020, bà Nguyễn Thị Cẩm D và Đoàn Thị Cẩm C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2020/ST-DS ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, cho bà D được sử dụng diện tích đất tranh chấp là 487,1m<sup>2</sup>, bà C cũng yêu cầu được sử dụng diện tích đất tranh chấp là 487,1m<sup>2</sup>.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn X K người đại diện theo ủy quyền của bà D vẫn giữ nguyên nội D đơn kháng cáo.

Bà Đoàn Thị Cẩm C có thay đổi nội D đơn kháng cáo là đồng ý để cho bà Đoàn Thị Cẩm D được sở hữu sử dụng phần diện tích đất đang tranh chấp diện tích 487,1m<sup>2</sup> nếu được Tòa án chấp nhận kháng cáo của hai chị em bà.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của bà Đoàn Thị Cẩm D, Đoàn Thị Cẩm C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hồ sơ cấp đất và lời khai của những người có đất giáp ranh phần đất tranh chấp là Lê Thị Trữ, Đoàn Thị Tú Em, những người trong tộc họ của hai bên đương sự là Đoàn Quốc Liên, Đoàn Quốc Tịnh thì thể hiện và xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Đoàn Văn Giang (cha của ông Trạch, ông Thịnh) khai mở và sau đó cho lại ông Trạch, ông Trạch cho lại ông C. Đối với lời trình bày của bà D, bà C cũng như đại diện hợp pháp của bà D cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Đoàn Văn Thịnh (cha bà D và bà C) khai phá trồng điền điền, đến năm 1978 để lại cho bà D, bà C sử dụng, nhưng lại không có bất kỳ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh.

Còn đối với lời trình bày của phía bà D, bà C cho rằng vào năm 1983, khi bà C mua phần đất của ông Đoàn Quốc Liên (liền kề phần đất tranh chấp) và có lập sơ đồ nền nh thể hiện phần đất tranh chấp là hồ bom bác Thịnh (cha bà D), nên xác định phần đất tranh chấp là của ông Thịnh, là không có cơ sở, vì thứ nhất, phần đất chuyển nhượng không phải là phần đất đang tranh chấp hiện nay, thứ hai, việc ghi nội D phần đất liền kề (là phần đất tranh chấp hiện nay) là hồ bom của ông Thịnh thì cũng chỉ là do bà C và người chuyển nhượng đất tự xác định, không có sự thừa nhận, xác nhận của ông Trạch. Đối với lời trình bày cho rằng việc bà D trồng bạch đàn trên đất vào năm 1997 mà ông C không có tranh chấp, chứng tỏ phần đất tranh chấp là của bà, thì cũng là không đủ cơ sở, vì bà D cũng

chỉ trồng bạch đàn, gồm 72 cây dạng bụi trong phạm vi ngang 1,1m x dài 10,4m trên phần đất tranh chấp và vì trên thực tế lúc đó ông C đi làm ăn sinh sống ở Cam-pu-chia nên không hay biết.

Mặt khác, năm 2007 ông C kê khai và năm 2008 ông C được cấp quyền sử dụng đất thì phía bà D, bà C đều không có tranh chấp.

Đối với diện tích 186,6m<sup>2</sup> chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị P có xác nhận nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà để lại và ông Nguyễn Văn C sử dụng ổn định từ năm 1985.

Như vậy, xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đoàn Văn Giang khai mở, sau đó cho lại ông Đoàn Văn Trạch và ông Trạch cho lại gia đình ông Nguyễn Văn C. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C, xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông C và buộc Đoàn Thị Cẩm D, Đoàn Thị Cẩm C, Đinh Quang C, Đinh Thị Thu X, Đinh Thị Thu H và Đinh Thị Ngọc H có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây trồng và các vật kiến trúc có trên đất để trả lại cho gia đình ông C là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bà D, bà C cũng không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D và bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội D vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Cẩm D và Đoàn Thị Cẩm C, giữ nguyên bản án số 15/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, nên chấp nhận.

[4] Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà Đoàn Thị Cẩm D và bà Đoàn Thị Cẩm C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 100, 166, 203 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Cẩm D và Đoàn Thị Cẩm C.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C.

Buộc bà Đoàn Thị Cẩm D, bà Đoàn Thị Cẩm C, ông Đinh Văn C, chị Đinh Thị Thu X, chị Đinh Thị Thu H và chị Đinh Thị Ngọc H phải có trách nhiệm di dời bằng mọi hình thức toàn bộ số cây trồng và các tài sản, vật kiến trúc xây dựng trên đất (nếu có) để giao trả lại diện tích đất 434,2m<sup>2</sup> (trong đó có 247,6m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 1315 và 186,6m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 826) tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp Tham Bua, xã Tân THnh A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp cho hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị P quản lý, sử dụng.

Phần đất có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đất bà Đoàn Thị C dài 37,7 mét.

Hướng Tây giáp đất bà Đoàn Thị Tú Em dài 36,7mét.

Hướng Nam giáp đất bà Đoàn Thị Cẩm D và ông Nguyễn Văn C dài 15,01 mét.

Hướng Bắc giáp đất bà Đoàn Thị Tú Em dài 8,45 mét.

Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19-3-2018 và sơ đồ đo đạc ngày 07-5-2018).

(Hộ ông Nguyễn Văn C được quyền đến cơ quan NH nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 186,6m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 826 theo quy định pháp luật).

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Đoàn Thị Cẩm D, Đinh Quang C, Đinh Thị Thu X, Đinh Thị Thu H và Đinh Thị Ngọc H hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn C 1.739.000đ (Một triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (Do ông C đã nộp tạm ứng theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17-02-2017).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị Cẩm D, Đinh Quang C, Đinh Thị Thu X, Đinh Thị Thu H và Đinh Thị Ngọc H phải liên đới chịu 868.000đồng (Tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BN/2013 03499 ngày 20- 9-2017 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp thì còn phải nộp 568.000đồng (Năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn C 715.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo hai biên lai thu số BN/201311124 ngày 18 tháng 10 năm 2016 và biên lai thu số BN/2013 03395 ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Tân Hồng.

Bà Đoàn Thị Cẩm C, Phạm Thanh T, Phạm Phước L, Đinh Thị Trúc L2, Nguyễn Thị P, Nguyễn Trường An, Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí.

- Về án phí phúc thẩm:

Bà Đoàn Thị Cẩm D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008835 ngày 09/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đoàn Thị Cẩm C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008836 ngày 09/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy**